

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1186/2025/DS-ST
Ngày: 26/9/2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Thế Hùng.

2/ Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Bình Minh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 1292/2025/TLST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1203/QĐXX-DS ngày 07 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 2439/2025/QĐH-DS ngày 04 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V;

Địa chỉ: H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội;

Đại diện ủy quyền: Bà Trần Thị Ái H, ông Huỳnh Ngọc T, bà Võ Thị T1, bà Nguyễn Thị Thùy T2 (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Lầu A, B Q, Phường C, quận G (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh

(Theo giấy ủy quyền số 2844/12/2024/UQ-VPBank ngày 10/12/2024)

2. Bị đơn: Bà Trịnh Lê Hồng P, năm sinh: 1995;

Địa chỉ: Số G, Đường C, phường P, thành phố T (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/01/2025 và lời trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng:

Ngày 05/7/2022, bà Trịnh Lê Hồng P có ký với Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là Ngân hàng) Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng Đ (005-P-9691084). Căn cứ thu nhập của bà Trịnh Lê Hồng P, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 299.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất áp dụng 39,48%/năm.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Trịnh Lê Hồng P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 1.658.409.190 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.444.259.488 đồng. Kể từ ngày 06/01/2024, bà Trịnh Lê Hồng P không thanh toán bất cứ khoản tiền nào cho ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng vẫn bà Trịnh Lê Hồng P không có thiện chí trả nợ. Do bà Trịnh Lê Hồng P vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 06/01/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Đồng thời khởi kiện khách hàng. Tính đến ngày ngày 26/9/2025 bà Trịnh Lê Hồng P còn nợ Ngân hàng số tiền là 754.579.109 (Bằng chữ: Bảy trăm năm mươi tư triệu năm trăm bảy mươi chín ngàn một trăm lẻ chín) đồng trong đó:

Dư nợ gốc: 249.402.850 đồng;

Lãi quá hạn: 460.176.259 đồng.

Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu:

1. Buộc bà Trịnh Lê Hồng P phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày ngày 26/9/2025 là 754.579.109 (Bằng chữ: Bảy trăm năm mươi tư triệu năm trăm bảy mươi chín ngàn một trăm lẻ chín) đồng trong đó:

Dư nợ gốc: 249.402.850 đồng;

Lãi quá hạn: 460.176.259 đồng.

2. Buộc bà Trịnh Lê Hồng P có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 27/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Ngân hàng xác định chỉ khởi kiện yêu cầu cá nhân bà Trịnh Lê Hồng P trả nợ, không yêu cầu ai khác.

Bị đơn bà Trịnh Lê Hồng P, đã được toà án tổng đạt hợp lệ các thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà và giấy triệu tập tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của

Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản nên căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ vào đơn đề nghị cấp thẻ tín dụng của bà Trịnh Lê Hồng P, bà P khai báo nơi thường trú và cư trú tại địa chỉ: G, Đường C, phường P, thành phố T (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, theo kết quả xác minh của Công an phường P, thành phố T, bà Trịnh Lê Hồng P có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ nêu trên nhưng hiện đã rời khỏi nơi cư trú, không rõ nơi ở hiện nay. Do đó, địa chỉ cư trú cuối cùng của bà Trịnh Lê Hồng P là G, Đường C, phường P, thành phố T (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025), xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bị đơn bà Trịnh L Hồng P đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến tòa, không có lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định ngày 05/7/2022, bà Trịnh L Hồng P có ký với Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là Ngân hàng) Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng Đ (005-P-9691084). Căn cứ thu nhập của bà Trịnh L Hồng P, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 299.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất áp dụng 39,48%/năm.

Quá trình thực hiện Hợp đồng bà Trịnh L Hồng P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 1.658.409.190 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.444.259.488 đồng. Kể từ ngày 06/01/2024, bà Trịnh L Hồng P vi phạm nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, đã ký, không thanh toán nợ lãi cho Ngân hàng bất kỳ khoản nào dù đã đôn đốc và nhắc nhở nhiều. Vì vậy, Ngân

hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 26/9/2025 bà Trịnh L Hồng P còn nợ Ngân hàng số tiền 754.579.109 (Bằng chữ: Bảy trăm năm mươi tư triệu năm trăm bảy mươi chín ngàn một trăm lẻ chín) đồng trong đó:

Dư nợ gốc: 249.402.850 đồng;

Lãi quá hạn: 460.176.259 đồng.

Xét thấy, hình thức và nội dung thoả thuận của các bên tại hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Ngoài ra, Khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn “Khi giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án áp dụng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng để giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật Dân sự 2005, Bộ luật Dân sự 2015 để xác định lãi, lãi suất”.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V buộc bà Trịnh L Hồng P phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 26/9/2025 là 754.579.109 (Bằng chữ: Bảy trăm năm mươi tư triệu năm trăm bảy mươi chín ngàn một trăm lẻ chín) đồng trong đó:

Dư nợ gốc: 249.402.850 đồng;

Lãi quá hạn: 460.176.259 đồng

Ngoài ra, bà Trịnh L Hồng P còn phải trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 27/9/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thoả thuận tại hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng đã ký.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí. Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP V:

Buộc bà Trịnh L Hồng P có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền là 754.579.109 (Bằng chữ: Bảy trăm năm mươi tư triệu năm trăm bảy mươi chín ngàn một trăm lẻ chín) đồng trong đó:

Dư nợ gốc: 249.402.850 đồng;

Lãi quá hạn: 460.176.259 đồng.

Bà Trịnh L Hồng P còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi và phí phát sinh kể từ ngày 27/9/2025 cho đến khi thi hành án xong, theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng TMCP V.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 34.183.164 (ba mươi bốn triệu một trăm tám mươi ba ngàn một trăm sáu mươi bốn) đồng bà Trịnh L Hồng P phải chịu, Trịnh L Hồng P chưa nộp tiền án phí.

Ngân hàng TMCP V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 13.344.478 (mười ba triệu ba trăm bốn mươi bốn ngàn, bốn trăm bảy mươi tám) đồng theo Biên lai thu số 0000103 ngày 23/5/2025 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh) lập.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - TP.HCM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 - TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

Đỗ Thị Thu Trang

